

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1 - Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - CCQ2324E**
CBGD **Trương Xuân Hùng**

Số tín chỉ: 5

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày Sinh	Lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
1	2123240172	Đàm Thị Mỹ	An	02/12/2005	Tiếng Anh F	7.0	8.0	5	9.3	8	7.8	
2	2123240165	Dương Nguyễn Khánh	An	26/11/2005	Tiếng Anh F	8.3	6.3	7.0	5.7	8	7.0	
3	2123240171	Nguyễn Thị	Ánh	04/01/2005	Tiếng Anh F	8.0	8.3	7	8	8	7.9	
4	2123240130	Đặng Lê Quốc	Bảo	22/08/2005	Tiếng Anh E	6.7	5.7	6	9	8	7.5	
5	2123240181	Nguyễn Hải	Đặng	04/02/2004	Tiếng Anh F	6.7	7.7	6	9.3	9	8.1	
6	2123240132	Nguyễn Phạm Hồ	Điệp	24/06/2005	Tiếng Anh E	8.3	8.3	8	8.3	9	8.5	
7	2123240169	Trần Châu	Đoan	16/08/2005	Tiếng Anh F	8.7	5.7	7.0	7.3	8	7.4	
8	2123240176	Đinh Thị Thùy	Dương	25/06/2005	Tiếng Anh F	8.3	8.0	7	9	10	8.8	
9	2121100309	Trần Thị	Duyên	03/05/2003	Kế toán I	6.7	8.0	5	8	8	7.4	
10	2123240154	Văn Gia	Hân	18/10/2005	Tiếng Anh E	8.3	7.7	8	7.7	8	7.9	
11	2123240166	Nguyễn Phúc	Hạnh	21/09/2005	Tiếng Anh F	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
12	2123240188	Nguyễn Thị	Hiền	02/01/2004	Tiếng Anh F	7.0	8.0	5	9.3	8	7.8	
13	2123240134	Nguyễn Minh	Hiếu	24/08/2005	Tiếng Anh E	6.3	8.0	6.0	8	9	7.8	
14	2123240184	Phạm Huỳnh	Hoa	07/03/2002	Tiếng Anh F	9.7	7.3	7	9	9	8.6	
15	2123240131	Đặng Thị Thanh	Huệ	24/07/2005	Tiếng Anh E	8.7	8.3	8	9	10	9.0	
16	2123240140	Lê Gia	Huy	29/05/2005	Tiếng Anh E	6.3	7.0	6	8	10	7.9	
17	2123240167	Nguyễn Thị Xuân	Huỳnh	30/07/2005	Tiếng Anh F	8.7	8.3	7	4	9	7.1	
18	2123240200	Huỳnh Đăng	Khoa	21/01/1998	Tiếng Anh C	5.0	6.7	6	7.7	8	7.0	
19	2123240147	Hồ Thị Yến	Khuyên	16/03/2005	Tiếng Anh E	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
20	2123240138	Lê Thị Ý	Khuyên	06/09/2005	Tiếng Anh E	8.3	6.7	7	7.7	8	7.6	
21	2123240159	Đỗ Thị Thùy	Linh	22/11/2005	Tiếng Anh F	8.3	8.3	7	9.3	8	8.3	
22	2123240145	Ma Thị Thùy	Linh	01/09/2005	Tiếng Anh E	6.7	6.7	6	6.7	8	7.0	
23	2123240135	Nguyễn Đặng Phương	Linh	02/09/2005	Tiếng Anh E	6.7	6.0	6	4	8	6.1	
24	2123240144	Đào Nguyễn Thanh	Ly	12/05/2005	Tiếng Anh E	7.0	6.7	8	7.7	8	7.6	
25	2123240203	Châu Nguyễn Lin	Na	03/10/2005	Tiếng Anh C	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
26	2123240178	Huỳnh Kim	Ngân	02/04/2005	Tiếng Anh F	8.0	8.0	5	9.3	8	7.9	
27	2123240190	Nguyễn Bảo Gia	Ngân	11/06/2005	Tiếng Anh F	9.0	8.0	5	9.3	8	8.1	
28	2123240174	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	03/06/1999	Tiếng Anh F	7.3	6.0	5	4	8	6.0	
29	2123240137	Lê Nguyễn Thị Ngọc	Nghi	30/04/2005	Tiếng Anh E	7.7	8.7	8.0	8.3	9	8.4	
30	2123240160	Lê Như	Ngọc	05/08/2005	Tiếng Anh F	8.3	8.0	5.0	8	8	7.6	
31	2123240157	Võ Thị Như	Ngọc	10/07/2005	Tiếng Anh E	7.0	8.0	8	4	8	6.7	
32	2123240150	Võ Nguyễn Minh	Nhật	19/06/2005	Tiếng Anh E	6.7	7.7	6	4	8	6.3	
33	2123240170	Đặng Thị Yến	Nhi	19/10/2005	Tiếng Anh F	8.3	8.0	7	7.3	8	7.7	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày Sinh	Lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	BP. 4	BP. 5	ĐQT	Ghi chú
34	2123240189	Lê Thị Huỳnh	Như	13/08/2003	Tiếng Anh F	7.3	8.0	5.0	8	8	7.5	
35	2123240199	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	15/08/2000	Tiếng Anh F	0.0	0.0	0.0	0	0	0.0	
36	2123240141	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	27/05/2004	Tiếng Anh E	5.7	5.3	6	7.7	8	6.9	
37	2123240180	Bùi Thúy	Oanh	24/09/2005	Tiếng Anh E	8.7	8.3	5	8.3	8	7.8	
38	2123240146	Vũ Thành	Phước	31/08/2005	Tiếng Anh E	7.3	7.0	6.0	9	10	8.3	
39	2123240153	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	27/06/2005	Tiếng Anh E	8.3	6.0	8.0	4	9	6.9	
40	2123240133	Nguyễn Như	Quỳnh	02/03/2005	Tiếng Anh E	8.3	7.3	8	6	8	7.4	
41	2123240187	Nguyễn Thị	Quỳnh	24/11/2005	Tiếng Anh F	6.3	6.3	5	6.7	8	6.7	
42	2123240151	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	10/11/2005	Tiếng Anh E	7.3	8.3	8	10	8	8.5	
43	2123240148	Trần Nguyễn Ngọc	Quỳnh	21/06/2005	Tiếng Anh E	7.0	6.0	6	9.3	8	7.7	
44	2123240177	Nguyễn Quốc	Thái	22/01/2002	Tiếng Anh F	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
45	2123240149	Nguyễn Thị	Thắm	07/07/2005	Tiếng Anh E	6.7	7.0	8	6.7	8	7.3	
46	2123240139	Trần Thị Phương	Thanh	04/02/2005	Tiếng Anh E	8.0	7.0	8	8.3	8	7.9	
47	2123240158	Nguyễn Phước	Thành	08/08/2005	Tiếng Anh F	8.0	8.0	6	10	8	8.3	
48	2123240183	Đỗ Nguyễn Phương	Thảo	09/10/2005	Tiếng Anh F	8.0	7.0	7	9.7	9	8.5	
49	2123240179	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	18/12/2005	Tiếng Anh F	8.3	7.3	5	8.7	8	7.7	
50	2123240168	Lê Nguyễn Duy	Thịnh	29/04/2005	Tiếng Anh F	6.0	6.7	6	9.3	9	7.9	
51	2123240206	Thị	Thơm	26/08/2002	Tiếng Anh F	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
52	2123240173	Lê Minh	Thư	03/12/2005	Tiếng Anh F	9.0	8.3	7	8.7	8	8.2	
53	2123240142	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	09/02/2005	Tiếng Anh E	8.0	8.0	7	8.3	8	7.9	
54	2123240185	Vũ Minh	Thư	16/08/2005	Tiếng Anh F	8.7	7.7	7.0	9.7	8	8.4	
55	2123240164	Nguyễn Anh	Thức	13/09/2005	Tiếng Anh F	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
56	2123240207	Trình Thị	Thương	25/03/1999	Tiếng Anh E	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
57	2123240155	Lê Thị Thanh	Thúy	29/07/2005	Tiếng Anh E	8.7	6.7	6	8.3	8	7.7	
58	2123240198	Nguyễn Thị Kim	Thuyết	17/03/2005	Tiếng Anh D	6.7	8.0	6	7.3	8	7.3	
59	2123240128	Đoàn Văn	Tiến	13/04/2005	Tiếng Anh E	6.7	6.7	6	6.7	8	7.0	
60	2123240205	Bùi Thị Ngọc	Trâm	15/09/2005	Tiếng Anh E	8.0	6.3	6	4	9	6.6	
61	2123240202	Lê Thị Thùy	Trang	29/12/1999	Tiếng Anh E	8.0	7.3	8	9	8	8.2	
62	2123310037	Hồ Ngọc	Trí	11/07/2005	Thương mại điện tử B	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
63	2123240126	Nguyễn Lê Tuyết	Trình	23/09/2003	Tiếng Anh E	7.3	7.3	6	6.7	10	7.7	
64	2121100295	Nguyễn Thị Mộng	Trình	20/09/2003	Kế toán I	9.0	7.3	5	9.3	8	8.0	
65	2123240129	Nguyễn Thị Kim	Tuyển	05/06/2005	Tiếng Anh E	8.0	7.3	6	8	8	7.6	
66	2123240156	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	16/11/2005	Tiếng Anh E	6.3	6.3	6	6.7	8	6.9	
67	2123240182	Huỳnh Lê Tường	Vì	20/05/2005	Tiếng Anh F	8.0	8.3	5	4	10	7.0	
68	2123310036	Bùi Nguyễn Tấn	Vũ	04/09/2005	Thương mại điện tử A	0.0	0.0	0	0	0	0.0	
69	2123240175	Nguyễn Thị Diễm	Vy	20/11/2005	Tiếng Anh F	8.0	7.3	7	8.7	8	8.0	
70	2123240136	Phạm Nguyễn Khánh	Vy	15/03/2005	Tiếng Anh E	8.3	7.0	6	9	8	7.9	
71	2123240162	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	16/10/2003	Tiếng Anh F	9.0	9.0	7	7	9	8.1	

Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM
Phòng Quản Lý Đào Tạo

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC - HỌC PHẦN
Học Kỳ 1 - Năm Học 2023-2024

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - LỚP CCQ2324E**
CBGD **Trương Xuân Hùng**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
1	2123240172	Đàm Thị Mỹ	An	02/12/2005	Tiếng Anh F	7.8	7.4	7.6
2	2123240165	Dương Nguyễn Khánh	An	26/11/2005	Tiếng Anh F	7.0	5.6	6.2
3	2123240171	Nguyễn Thị	Ánh	04/01/2005	Tiếng Anh F	7.9	7.8	7.8
4	2123240130	Đặng Lê Quốc	Bảo	22/08/2005	Tiếng Anh E	7.5	7.0	7.2
5	2123240181	Nguyễn Hải	Đặng	04/02/2004	Tiếng Anh F	8.1	5.8	6.7
6	2123240132	Nguyễn Phạm Hồ	Điệp	24/06/2005	Tiếng Anh E	8.5	6.6	7.3
7	2123240169	Trần Châu	Đoan	16/08/2005	Tiếng Anh F	7.4	5.8	6.4
8	2123240176	Đinh Thị Thùy	Dương	25/06/2005	Tiếng Anh F	8.8	8.2	8.4
9	2121100309	Trần Thị	Duyên	03/05/2003	Kê toán I	7.4	7.0	7.2
10	2123240154	Văn Gia	Hân	18/10/2005	Tiếng Anh E	7.9	5.2	6.3
11	2123240166	Nguyễn Phúc	Hạnh	21/09/2005	Tiếng Anh F	0.0	0.0	0.0
12	2123240188	Nguyễn Thị	Hiền	02/01/2004	Tiếng Anh F	7.8	6.4	7.0
13	2123240134	Nguyễn Minh	Hiếu	24/08/2005	Tiếng Anh E	7.8	6.6	7.1
14	2123240184	Phạm Huỳnh	Hoa	07/03/2002	Tiếng Anh F	8.6	7.6	8.0
15	2123240131	Đặng Thị Thanh	Huệ	24/07/2005	Tiếng Anh E	9.0	6.2	7.3
16	2123240140	Lê Gia	Huy	29/05/2005	Tiếng Anh E	7.9	7.2	7.5
17	2123240167	Nguyễn Thị Xuân	Huỳnh	30/07/2005	Tiếng Anh F	7.1	7.0	7.1
18	2123240200	Huỳnh Đăng	Khoa	21/01/1998	Tiếng Anh C	7.0	6.8	6.9
19	2123240147	Hồ Thị Yên	Khuyên	16/03/2005	Tiếng Anh E	0.0	0.0	0.0
20	2123240138	Lê Thị Ý	Khuyên	06/09/2005	Tiếng Anh E	7.6	6.8	7.1
21	2123240159	Đỗ Thị Thùy	Linh	22/11/2005	Tiếng Anh F	8.3	8.4	8.4
22	2123240145	Ma Thị Thùy	Linh	01/09/2005	Tiếng Anh E	7.0	7.2	7.1
23	2123240135	Nguyễn Đặng Phương	Linh	02/09/2005	Tiếng Anh E	6.1	7.2	6.8
24	2123240144	Đào Nguyễn Thanh	Ly	12/05/2005	Tiếng Anh E	7.6	5.8	6.5
25	2123240203	Châu Nguyễn Lin	Na	03/10/2005	Tiếng Anh C	0.0	0.0	0.0
26	2123240178	Huỳnh Kim	Ngân	02/04/2005	Tiếng Anh F	7.9	7.2	7.5
27	2123240190	Nguyễn Bảo Gia	Ngân	11/06/2005	Tiếng Anh F	8.1	6.6	7.2
28	2123240174	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	03/06/1999	Tiếng Anh F	6.0	5.6	5.8
29	2123240137	Lê Nguyễn Thị Ngọc	Nghi	30/04/2005	Tiếng Anh E	8.4	6.6	7.3
30	2123240160	Lê Như	Ngọc	05/08/2005	Tiếng Anh F	7.6	7.6	7.6
31	2123240157	Võ Thị Như	Ngọc	10/07/2005	Tiếng Anh E	6.7	6.6	6.6
32	2123240150	Võ Nguyễn Minh	Nhật	19/06/2005	Tiếng Anh E	6.3	7.8	7.2
33	2123240170	Đặng Thị Yên	Nhi	19/10/2005	Tiếng Anh F	7.7	7.2	7.4

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
34	2123240189	Lê Thị Huỳnh	Như	13/08/2003	Tiếng Anh F	7.5	5.8	6.5
35	2123240199	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	15/08/2000	Tiếng Anh F	0.0	0.0	0.0
36	2123240141	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	27/05/2004	Tiếng Anh E	6.9	6.6	6.7
37	2123240180	Bùi Thúy	Oanh	24/09/2005	Tiếng Anh E	7.8	6.6	7.1
38	2123240146	Vũ Thành	Phước	31/08/2005	Tiếng Anh E	8.3	7.8	8.0
39	2123240153	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	27/06/2005	Tiếng Anh E	6.9	6.4	6.6
40	2123240133	Nguyễn Như	Quỳnh	02/03/2005	Tiếng Anh E	7.4	5.6	6.3
41	2123240187	Nguyễn Thị	Quỳnh	24/11/2005	Tiếng Anh F	6.7	6.2	6.4
42	2123240151	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	10/11/2005	Tiếng Anh E	8.5	6.6	7.4
43	2123240148	Trần Nguyễn Ngọc	Quỳnh	21/06/2005	Tiếng Anh E	7.7	6.2	6.8
44	2123240177	Nguyễn Quốc	Thái	22/01/2002	Tiếng Anh F	0.0	0.0	0.0
45	2123240149	Nguyễn Thị	Thắm	07/07/2005	Tiếng Anh E	7.3	6.0	6.5
46	2123240139	Trần Thị Phương	Thanh	04/02/2005	Tiếng Anh E	7.9	6.0	6.8
47	2123240158	Nguyễn Phước	Thành	08/08/2005	Tiếng Anh F	8.3	6.6	7.3
48	2123240183	Đỗ Nguyễn Phương	Thảo	09/10/2005	Tiếng Anh F	8.5	7.6	8.0
49	2123240179	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	18/12/2005	Tiếng Anh F	7.7	7.2	7.4
50	2123240168	Lê Nguyễn Duy	Thịnh	29/04/2005	Tiếng Anh F	7.9	7.2	7.5
51	2123240206	Thị	Thơm	26/08/2002	Tiếng Anh F	0.0	0.0	0.0
52	2123240173	Lê Minh	Thư	03/12/2005	Tiếng Anh F	8.2	6.8	7.4
53	2123240142	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	09/02/2005	Tiếng Anh E	7.9	7.4	7.6
54	2123240185	Vũ Minh	Thư	16/08/2005	Tiếng Anh F	8.4	6.5	7.3
55	2123240164	Nguyễn Anh	Thức	13/09/2005	Tiếng Anh F	0.0	0.0	0.0
56	2123240207	Trình Thị	Thương	25/03/1999	Tiếng Anh E	0.0	0.0	0.0
57	2123240155	Lê Thị Thanh	Thuý	29/07/2005	Tiếng Anh E	7.7	7.4	7.5
58	2123240198	Nguyễn Thị Kim	Thuyết	17/03/2005	Tiếng Anh D	7.3	8.0	7.7
59	2123240128	Đoàn Văn	Tiến	13/04/2005	Tiếng Anh E	7.0	6.2	6.5
60	2123240205	Bùi Thị Ngọc	Trâm	15/09/2005	Tiếng Anh E	6.6	6.8	6.7
61	2123240202	Lê Thị Thùy	Trang	29/12/1999	Tiếng Anh E	8.2	6.8	7.4
62	2123310037	Hồ Ngọc	Trí	11/07/2005	Thương mại điện tử B	0.0	0.0	0.0
63	2123240126	Nguyễn Lê Tuyết	Trình	23/09/2003	Tiếng Anh E	7.7	7.2	7.4
64	2121100295	Nguyễn Thị Mộng	Trình	20/09/2003	Kê toán I	8.0	7.0	7.4
65	2123240129	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	05/06/2005	Tiếng Anh E	7.6	7.0	7.2
66	2123240156	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	16/11/2005	Tiếng Anh E	6.9	7.6	7.3
67	2123240182	Huỳnh Lê Tường	Vi	20/05/2005	Tiếng Anh F	7.0	6.6	6.8
68	2123310036	Bùi Nguyễn Tấn	Vũ	04/09/2005	Thương mại điện tử A	0.0	0.0	0.0
69	2123240175	Nguyễn Thị Diễm	Vy	20/11/2005	Tiếng Anh F	8.0	6.8	7.3
70	2123240136	Phạm Nguyễn Khánh	Vy	15/03/2005	Tiếng Anh E	7.9	7.4	7.6
71	2123240162	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	16/10/2003	Tiếng Anh F	8.1	6.8	7.3

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/học phần
-----	-------	-----------	-----------	-----	-------------------	----------	--------------------------

Tp. HCM, ngày 16 tháng 01 năm 2024

GIẢNG VIÊN

Trương Xuân Hùng